

Số: 38/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 12 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ các hoạt động bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về  
đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân  
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp  
trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 624/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy  
định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ cho  
các hoạt động bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo  
cáo thẩm tra số 591/BC-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế -  
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân  
dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi,  
định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ các hoạt động bảo vệ, phát  
triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử  
dụng kinh phí để hỗ trợ các hoạt động bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn

tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa, cụ thể:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

b) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa.

c) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần.

d) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn cấp xã.

đ) Hỗ trợ mua bán quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa.

### **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Sử dụng kinh phí thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa để phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, hỗ trợ các địa phương sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa theo các nội dung hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

#### 2. Nguyên tắc phân bổ kinh phí

a) Nguồn kinh phí thu tiền bảo vệ đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp, thu được trên địa bàn xã, phường nào thì được phân bổ lại 100% để thực hiện chính sách trên địa bàn xã, phường đó để hỗ trợ thực hiện các hoạt động quy định tại điểm b và d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 02 xã, phường trở lên nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp về ngân sách cấp tỉnh 100% và do Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai tùy theo tình hình thực tế nguồn thu và nhu cầu cần thiết trên địa bàn tỉnh.

b) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa hàng năm được phân bổ 70% cho ngân sách xã, phường; phân bổ 30% cho ngân sách tỉnh để thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

3. Việc hỗ trợ bảo đảm công khai, công bằng, đúng quy định pháp luật, không chồng chéo, trùng lặp, có hiệu quả và không vượt quá phạm vi dự toán

kinh phí được giao hằng năm. Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển kinh phí giữa các cấp ngân sách và các địa phương theo tình hình thực tế bảo đảm sử dụng nguồn kinh phí thiết thực, hiệu quả.

### **Điều 3. Phạm vi hỗ trợ**

1. Hỗ trợ đất chuyên trồng lúa.
2. Hỗ trợ đất trồng lúa còn lại (trừ diện tích được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa).
3. Hỗ trợ đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao thuộc vùng đất chuyên trồng lúa, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất tại địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 4. Định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí**

1. Đối với việc hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa theo điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: nội dung hỗ trợ và định mức hỗ trợ áp dụng tại Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ban hành quy định nội dung, mức chi kinh phí đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
2. Đối với việc hỗ trợ các hoạt động quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: mức hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện và nội dung thực hiện theo quy định hiện hành tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT.
3. Đối với các nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: thực hiện theo quy định hiện hành tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.
4. Đối với nội dung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: mức hỗ trợ theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện, ngoài các văn bản quy định về định mức hỗ trợ tại điều này, việc áp dụng còn được thực hiện theo các văn bản pháp luật có liên quan đang có hiệu lực (nếu có). Khi các văn bản này được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì định mức chi áp dụng theo văn bản mới có hiệu lực thi hành.

## **Điều 5. Điều khoản thi hành**


1. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.


b) Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ các hoạt động bảo vệ, phát triển đất trồng lúa quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.* 

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

**CHỦ TỊCH**



**Châu Thị Mỹ Phương**